

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thành

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 13-6-2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 398/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Lệ T; nơi ĐKKHKT: Tổ 8, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: K, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh T1; nơi cư trú: Tổ 8, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Vũ Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D,

thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong vấn đề kinh tế, vấn đề nuôi con chung, từ đó vợ chồng phát sinh cãi vã. Đặc biệt là khi vợ chồng sinh 03 con, cuộc sống vợ chồng ngày càng có nhiều bất đồng. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ để sống từ năm 2021 đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Chị và anh T1 sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 01-8-2018 và 02 con sinh đôi là Nguyễn Thúy Q, Nguyễn Đức T, cùng sinh ngày 22-11-2019. Khi ly hôn, chị T đề nghị được quyền nuôi con chung là Nguyễn Thúy Q, giao hai con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 01-8-2018 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22-11-2019 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 nhưng anh T1 không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T. Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống và xác minh mâu thuẫn qua gia đình anh T1.

Trước khi mở phiên tòa, chị T có đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa, anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị T được ly hôn anh T1. Về con chung: Đề nghị giao cho anh T1 trực tiếp nuôi hai cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 01-8-2018 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22-11-2019, giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 22-11-2019; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về tài sản chung, không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Vũ Thị Lệ T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T1 cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, chị T, anh T1 đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Vũ Thị Lệ T và anh Nguyễn Mạnh T1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi chị T, anh T1 cư trú và tại gia đình anh T1 xác định: Chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn hơn một năm nay, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay, chị T làm đơn xin ly hôn, anh T1 không cung cấp lời khai, không có đề nghị hay có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương, đại diện gia đình cho thấy: Anh T1 và chị T đều là công nhân, có thu nhập ổn định, đều có điều kiện nuôi con chung; hai cháu Nguyễn Thanh H và Nguyễn Đức T đang ăn ở cùng anh T1 và bố mẹ để anh T1 nên giao cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Thúy Q, là con gái đang sinh sống cùng chị T cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, phù hợp quy định

tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gssia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[5] Anh T1 và chị T không yêu cầu giải quyết,

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Vũ Thị Lệ T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị T và anh T1 đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Lệ T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T1.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Mạnh T1 trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 01-8-2018 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 22-11-2019, giao cho chị Vũ Thị Lệ T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 22-11-2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không phải xem xét giải quyết.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Lệ T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002829 ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Lệ T và anh Nguyễn Mạnh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H (ĐKKH số 60/2017);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng